TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 05-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Nho Dũng - Bí thư Đoàn thanh niên xã Cam Thành Nam.

Ông Lê Xuân Hoàng - Phó trưởng ban đại diện Hội người cao tuổi thành phố R.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2024/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Thiện), sinh năm: 07/6/1993, tại Khánh Hoà. Nơi thường trú: Tổ dân phố LP, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Nguyễn Văn Thuận, sinh năm: 1972. Mẹ: Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, sinh năm: 1972. Vợ, con: Chưa. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 01/11/2022, bị Công an phường CL, thành phố R xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 13/3/2023, bị Công an phường CL, thành phố R xử phạt 400.000 đồng về hành vi gây mất trật tự công cộng ở khu dân cư. Nhân thân: Ngày 12/01/2024, bị Công an phường CL, thành phố R xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt từ ngày 12/4/2024. (Có mặt).

2. **Đoàn V**, sinh năm: 20/02/1997, tại Khánh Hoà. Nơi thường trú: Tổ dân phố HT, phường CPN, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Đoàn Văn Cược, sinh năm: 1963. Mẹ: Bùi Thị Hà, sinh năm: 1963. Vợ, con: Chưa. Tiền án: Ngày 12/02/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố R xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2023. Tiền sự: Ngày 11/10/2022, bị Công an thành phố R xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích cho người khác; Ngày 30/12/2022, bị Công an thành phố R xử phạt 4.000.000 đồng về hành vi cố

ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Nhân thân: Ngày 11/12/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố R áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm 06 tháng, chấp hành xong ngày 30/12/2019. Bị cáo bị bắt từ ngày 16/4/2024. (Có mặt).

3. **Nguyễn Trọng L**, sinh năm: 14/6/2007, tại Khánh Hoà. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Nguyễn Tấn Hiệp (đã chết). Mẹ: Nguyễn Thị Sở, sinh năm: 1972, không rõ địa chỉ cư trú. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2024. (Có mặt).

- Người đại diện cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Trọng L: Bà Nguyễn Thị Thùy Duyên là cán bộ Đoàn thanh niên phường CL theo Quyết định về việc cử người đại diện cho bị cáo chưa thành niên số 180/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Ủy ban nhân dân phường CL. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Trọng L: Bà Đàm Thị Thu Liễu là Trợ giúp viên pháp lý của TR tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

- Bị hại:

+ Bà Trần Thị Như LA, sinh năm: 1956; Nơi cư trú: Tổ dân phố HL, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

+ Huỳnh Thị Kim TH, sinh ngày: 23/02/2007; Nơi cư trú: Thôn TL, xã CPT, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà. (có đơn xét xử vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho bị hại chưa thành niên Huỳnh Kim TH: Bà Đỗ Thị Bích TA, sinh năm: 1982 (mẹ đẻ); Nơi cư trú: Thôn TL, xã CPT, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà. (có đơn xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liện quan:

+ Bà Đỗ Thị Bích TA, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn TL, xã CPT, huyện CA, tỉnh Khánh Hoà. (có đơn xét xử vắng mặt)

+ Ông Hồ Quốc TR, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

+ Ông Võ Thành DN, sinh năm: 1996; Nơi thường trú: Khu phố 10, thị trấn P, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận; Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố LT, phường CLI, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (có mặt)

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết D, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận Thành, phường CT, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: Thôn HD, xã CTĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

+ Bà Trần Thị CI, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Tổ dân phố HL, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Bá DU, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố HL, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. (vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 27/11/2023 và ngày 06/12/2023, Nguyễn Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Đoàn V, Nguyễn Trọng L, cụ thể:

Vụ 01: Khoảng 03 giờ ngày 27/11/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Novo (không rõ biển số) chở Đoàn V đi ngang qua quán cà phê của bà Trần Thị Như LA ở số 2440 Đại lô Hùng Vương thuộc tổ dân phố HL, phường BN, thành phố R; T nhìn thấy có máy pha cà phê của bà LA để trên bàn. T rủ V trộm cắp máy pha cà phê. V đồng ý. T dừng xe, V đi đến chỗ bà LA giả vờ hỏi mua nước. Khi bà LA đang xoay người vào tủ lạnh phía trong để lấy nước thì V ôm máy pha cà phê bỏ chạy. T điều khiển xe chở V đến ngôi nhà hoang ở xóm Gò, phường BN. T nói V đứng đợi. T mang máy cà phê đến quán cà phê BAW ở khu vực nhà ở xã hội phường Cam Lộc bán cho Hồ Quốc TR được 1.000.000 đồng. Sau đó, T chia cho V 500.000 đồng tiêu xài hết.

Đến ngày 10/01/2024, TR giao nộp lại máy cà phê.

Tại Kết luận định giá tài sản số 186/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: Máy pha cà phê nhãn hiệu La Carimali CM 300, màu trắng-đen, bằng inox, loại pha 01 ly, trị giá 12.350.000 đồng.

Vụ 02: Khoảng 02 giờ ngày 06/12/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) đến nhà Nguyễn Trọng L (sinh ngày 14/6/2007) ở tổ dân phố LT, phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hoà. T rủ L đi trộm cắp tài sản. L đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở L đến nhà trọ của bà Nguyễn Thị Tuyết D ở tổ dân phố Thuận Thành, phường CT, thành phố R. Khi đến nơi T nói L đi vào nhà trọ trộm cắp. T đứng ngoài cảnh giới. Khi L vào nhà trọ thì thấy xe mô tô hiệu Sirius biển số 79Z1-528.87 của Huỳnh Thị Kim Thảo (sinh ngày 23/02/2007) không khóa cổ. L đi đến dắt xe mô tô 79Z1-528.87 đi ra đến cổng, T dùng tu vít mở khóa và nổ máy được. Sau đó, L điều khiển xe mô tô trộm cắp được. Trên đường đi cất giấu xe, T và L tháo biển số xe mô tô 79Z1-528.87 để lên gác baga xe Wave do L điều khiển. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến tiệm bán bánh xèo của bà Nguyễn Thị H ở thôn HD, xã CTĐ, thành phố R cất giấu, rồi T chở L về nhà ngủ.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T lấy biển số 79TA-018.50 đến gắn vào xe mô tô trộm cắp được. Sau đó, T đem bán chiếc xe này cho Võ Thanh DN ở tổ dân phố LT, phường CLI, thành phố R với giá 3.700.000 đồng. T chia cho L 1.000.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 02/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: 01 xe mô tô 79Z1-528.87, trị giá 16.800.000 đồng.

Đối với Hồ Quốc TR mua máy cà phê, Võ Thanh DN mua xe mô tô 79Z1-528.87 do Nguyễn Văn T bán nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Thị H có hành vi để Nguyễn Văn T, Nguyễn Trọng L cất giấu xe mô tô 79Z1-528.87 tại quán bán bánh xèo của bà Hường ở thôn HD, xã CTĐ, thành phố R nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với biển số xe mô tô 79TA-018.50, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố R chưa xác định được chủ sở hữu nên tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSCR-HS ngày 04/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố các bị cáo T, V, L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo T, V, L về điều khoản như trên của bản cáo trạng; tuy nhiên bổ sung thêm phần lý lịch về 02 tiền sự của bị cáo Đoàn V và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn V.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng L.

Xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo V từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Xử phạt bị cáo L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Thị Như LA, Huỳnh Thị Kim TH đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường T hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Bích TA, Hồ Quốc TR không yêu cầu bồi thường T hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành DN yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.200.000 đồng. Bị cáo L tự nguyện bồi thường số tiền 700.000 đồng, bị cáo T tự nguyện bồi thường số tiền 2.500.000 đồng; ông DN không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Trọng L hoàn toàn nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo L tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện bồi thường" cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thanh DN và "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" được quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo L có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, tại thời điểm phạm tội dưới 18 tuổi bị bị cáo T xúi giục phạm tội

nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L đề nghị Toà án cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 03/6/2024, bị hại chưa thành niên Huỳnh Thị Kim TH và đại diện hợp pháp của bị hại chưa thành niên bà Đỗ Thị Bích TA có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của cháu TH, bà TA là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật; cháu TH, bà TA đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Như LA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Quốc TR, tất cả các người làm chứng đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, chưa thành niên, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại chưa thành niên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn V, Nguyễn Trọng L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngày 27/11/2023, tại quán cà phê của bà Trần Thị Như LA ở số 2440 Đại lô Hùng Vương thuộc tổ dân phố HL, phường BN, thành phố R, Nguyễn Văn T và Đoàn V đã có hành vi trộm cắp 01 máy pha cà phê của bà LA, trị giá 12.350.000 đồng. Ngày 06/12/2023, tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị Tuyết D ở tổ dân phố Thuận Thành, phường CT, thành phố R Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng L đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô 79Z1-528.87 của cháu Huỳnh Thị Kim TH, trị giá 16.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp 29.150.000 đồng.

[3.1] Hành vi của các bị cáo T, V, L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 60/CT-VKSCR-HS ngày 04/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố các bị cáo T, V, L về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo T, V, L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý sở hữu tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo T, V là thanh niên trong độ tuổi lao động nhưng không lo tu chí làm việc mà vướng vào con đường nghiện ma túy, làm phát sinh nhiều tệ nạn trong xã hội. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét tính chất, mức độ của từng bị cáo: Bị cáo T là người chủ mưu, 02 lần xúi giục bị cáo V, L (là người dưới 18 tuổi) phạm tội nên bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"; đồng thời, bị cáo T có nhân thân xấu do đó mức hình phạt của bị cáo T phải cao hơn 02 bị cáo V, L. Bị cáo V là người thực hành tích cực, bị cáo từng bị Tòa án xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" nên mức hình phạt phải cao hơn bị cáo L. Bị cáo L là người thực hành tích cực nhưng tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên (từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) nên nhận thức còn hạn chế, khi áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T, bị cáo L tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành công dân tốt và không cần thiết cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Thị Như LA, Huỳnh Thị Kim TH đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường T hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Bích TA, Hồ Quốc TR không yêu cầu bồi thường T hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành DN yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 3.200.000 đồng. Bị cáo L tự nguyện bồi thường số tiền 700.000 đồng, bị cáo T tự nguyện bồi thường số tiền 2.500.000 đồng; ông DN không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Mỗi bị cáo T, V, L phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn V, Nguyễn Trọng L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn V.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng L.

Áp dụng khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2024.

1.2. Xử phạt bị cáo Đoàn V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2024.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/6/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Trọng L cho Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo, nếu thay đổi nơi cư trú thì được thi hành theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Bị hại Trần Thị Như LA, Huỳnh Thị Kim TH đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường T hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Bích TA, Hồ Quốc TR không yêu cầu bồi thường T hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh DN không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

3.1. Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

3.2. Bị cáo Đoàn V phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

3.3. Bị cáo Nguyễn Trọng L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn V, Nguyễn Trọng L, đại diện hợp pháp của bị cáo chưa thành niên Nguyễn Trọng L, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Trọng L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành DNcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại Trần Thị Như LA, Huỳnh Thị Kim TH, đại diện hợp pháp của bị hại chưa thành niên Huỳnh Thị Kim TH, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Bích TA, Hồ Quốc TR được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND t.p R;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p R;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công